

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÓNG TRÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/NQ-HĐND

Tống Trân, ngày 21 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÓNG TRÂN
KHÓA XXVII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10/9/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp;

Căn cứ các Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/7/2025 của HĐND xã Tống Trân về việc phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/ĐU ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Hội nghị lần thứ 05 Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-KTNS ngày 18/11/2025 của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND xã; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

PHỤ BIỂU SỐ 01: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (DỰ ÁN UBND TỈNH CHUYỂN VỀ)

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND xã Tổng Trân)

ĐVT: đồng

ĐVT: đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025			Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS xã	
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		1.058.138.422.000	317.611.444.000	1.057.528.479.000	250.833.990.000	250.833.990.000	-	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		179.703.546.000	14.625.772.000	179.703.546.000	87.585.000.000	87.585.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		15.344.027.000	6.638.000.000	15.344.027.000	1.585.000.000	1.585.000.000	-	
1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nâng cấp nhà hiệu bộ và tường rào - Trường THCS Tổng Trân	3995/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	7.344.027.000	6.638.000.000	7.344.027.000	585.000.000	585.000.000		
2	Xây dựng mới 6 phòng học bộ môn và 2 phòng học Trường tiểu học và THCS Tam Đa	4055/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.000.000.000		8.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		92.070.213.000	7.987.772.000	92.070.213.000	56.000.000.000	56.000.000.000	0	
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Tam Đa	4107/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	55.565.777.000	7.000.000.000	55.565.777.000	23.000.000.000	23.000.000.000		
2	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ - trường mầm non Tổng Trân	1617/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	23.004.436.000	987.772.000	23.004.436.000	20.000.000.000	20.000.000.000		
3	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Nam Phù Cừ	3401/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	13.500.000.000		13.500.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000		
c	Dự án khởi công mới năm 2025		72.289.306.000	-	72.289.306.000	30.000.000.000	30.000.000.000	0	-
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Nguyên Hòa	4106/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	72.289.306.000		72.289.306.000	30.000.000.000	30.000.000.000		
II	LĨNH VỰC Y TẾ		4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000	-	
a	Dự án hoàn thành		4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000	-	
1	Mở rộng trạm Y tế xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	4046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000		

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025			Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS xã	
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA		100.477.346.000	29.599.705.000	100.477.346.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		14.507.925.000	10.000.000.000	14.507.925.000	-	-	-	
1	Xây dựng mới Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ UBND xã Nguyên Hòa		14.507.925.000	10.000.000.000	14.507.925.000				
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		85.969.421.000	19.599.705.000	85.969.421.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	181/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh	85.969.421.000	19.599.705.000	85.969.421.000	20.000.000.000	20.000.000.000		
IV	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		256.663.121.000	131.457.842.000	256.163.121.000	119.482.000.000	119.482.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		89.729.335.000	63.236.745.000	89.229.335.000	25.104.000.000	25.104.000.000	-	
1	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH.80 đến giao cắt với đường ĐH.85 (qua địa phận đền Tổng Trân)	361S/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.989.391.000	14.405.745.000	14.989.391.000	579.000.000	579.000.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy, La Tiến đoạn từ ĐH.64 (cầu Chéo) đến ĐT.387 (Trạm bơm La Tiến), huyện Phù Cừ	986/QĐ-UBND ngày 19/5/2020	38.086.944.000	21.363.000.000	37.586.944.000	15.723.000.000	15.723.000.000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.89 đoạn từ cầu Kênh Tiêu đến cầu Chéo	3740/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.960.000.000	7.230.000.000	14.960.000.000	7.730.000.000	7.730.000.000		
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân	3994/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	21.693.000.000	20.238.000.000	21.693.000.000	1.072.000.000	1.072.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		120.935.786.000	68.221.097.000	120.935.786.000	51.378.000.000	51.378.000.000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vụng Quạ đến đình làng Hạ Đồng xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	3961/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	95.000.000.000	60.724.487.000	95.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000		
2	Đường GTNT Nguyên Hoà (Tuyến 1 từ cổng ông Linh (thôn La Tiến) đến trạm bơm Thị Giang, tuyến 2 Đoạn từ cầu bà Chén đến giao với đường dẫn lên cầu La Tiến)	3884/QĐ-UBND ngày 30/1 1/2022	25.935.786.000	7.496.610.000	25.935.786.000	18.378.000.000	18.378.000.000		
c	Dự án khởi công mới năm 2025		45.998.000.000	-	45.998.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000	-	

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025			Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS xã	
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12
1	Xây dựng đường từ ĐT.386 (khu dân cư mới xã Tam Đa) đến giao với ĐH.64 (trường THCS xã Tam Đa)	3830/QĐ-UBND ngày 29/1 1/2022	45.998.000.000		45.998.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000		
V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		3.225.894.000	-	3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
a	Dự án hoàn thành								
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		3.225.894.000	-	3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
	Quy hoạch chung đô thị mới Tổng Trân, huyện Phù Cừ đến năm 2040,tỷ lệ 1/5.000		3.225.894.000		3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
VI	LĨNH VỰC KHÁC		513.570.020.000	137.974.152.000	513.460.077.000	20.430.000.000	20.430.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		163.570.020.000	137.974.152.000	163.460.077.000	20.430.000.000	20.430.000.000	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Nguyễn Hòa	1239/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	55.070.020.000	48.904.643.000	54.960.077.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
2	Xây dựng khu tái định cư và Chợ La Tiến để mở rộng Khu di tích lịch sử Cây Đa và đền La Tiến, xã Nguyễn Hòa và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	982/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	108.500.000.000	89.069.509.000	108.500.000.000	19.430.000.000	19.430.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025								
c	Dự án khởi công mới năm 2025								
d	Dự án chưa quyết định đầu tư		350.000.000.000		350.000.000.000				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên - Giai đoạn 2	194/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	107.365.000.000		107.365.000.000				
2	Xây dựng tượng đài và các công trình phát huy giá trị khu di tích lịch sử Cây Đa và Đền La Tiến, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ	193/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	62.635.000.000		62.635.000.000				
3	Xây dựng khu tái định cư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến (giai đoạn 2) và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	130/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	180.000.000.000		180.000.000.000				

PHỤ BIỂU SỐ 02: NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND xã Tống Trân)

ĐVT: Đồng

STT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh quản lý	250.833.990.000	
2	Ngân sách xã quản lý	303.823.033.355	
2.1	Nguồn thu từ đất	268.763.681.522	
2.2	Nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ	35.059.351.833	
Tổng		554.657.023.355	

PHỤ BIỂU SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND xã Tổng Trân)

ĐVT: đồng

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
	TỔNG CỘNG	603.108.223.000	336.107.670.430	27.394.754.500	308.712.915.930	175.560.337.610	3.794.754.500	171.765.583.110	16.190.156.416	-	16.190.156.416	176.737.489.236	23.600.000.000	153.137.489.236	-
A	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN	569.167.595.000	336.107.670.430	27.394.754.500	308.712.915.930	175.560.337.610	3.794.754.500	171.765.583.110	190.156.416	-	190.156.416	160.737.489.236	23.600.000.000	137.137.489.236	-
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	137.707.378.000	60.592.001.500	-	60.592.001.500	55.763.001.500	-	55.763.001.500	-	-	-	4.829.000.000	-	4.829.000.000	-
1	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh trường THCS và các hạng mục phụ trợ	751.380.000	251.020.000		251.020.000	251.020.000		251.020.000	-			-		-	
2	Nhà bếp ăn trường mầm non xã Tổng Trân điểm trường Trà Dương	1.100.915.000	51.945.500		51.945.500	51.945.500		51.945.500	-			-	-	-	
3	Trường mầm non tập trung xã Nguyễn Hòa	72.289.306.000	42.289.036.000		42.289.036.000	39.960.036.000		39.960.036.000	-			2.329.000.000		2.329.000.000	
4	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Tam Đa	55.565.777.000	10.000.000.000		10.000.000.000	8.500.000.000		8.500.000.000	-			1.500.000.000	-	1.500.000.000	
5	Xây dựng mới lớp học trường Tiểu học xã Tổng Trân	8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	-			1.000.000.000	-	1.000.000.000	
II	LĨNH VỰC VĂN HOÁ	27.337.706.500	11.586.070.119	-	11.586.070.119	7.027.100.574	-	7.027.100.574	-	-	-	4.558.969.545	-	4.558.969.545	-
1	Xây mới nhà văn hóa và các công trình phụ trợ UBND xã Nguyễn Hòa	14.950.000.000	4.507.925.000		4.507.925.000	448.955.455		448.955.455	-			4.058.969.545		4.058.969.545	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Võng Phan	5.200.000.000	2.089.881.619		2.089.881.619	2.089.881.619		2.089.881.619	-			-		-	
3	Xây dựng sân vườn nhà văn hóa thôn Trà Dương	2.500.000.000	300.557.000		300.557.000	300.557.000		300.557.000	-			-		-	
4	Cải tạo nâng cấp hạng mục công trình phụ trợ NVH thôn Võng Phan	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	-			500.000.000		500.000.000	
6	Xây dựng sân vườn nhà văn hóa thôn An Cầu	1.687.706.500	1.687.706.500		1.687.706.500	1.687.706.500		1.687.706.500							
III	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	230.168.563.000	188.957.543.000	20.500.000.000	168.457.543.000	100.174.712.364	2.100.000.000	98.074.712.364	100.000.000	-	100.000.000	88.882.830.636	18.400.000.000	70.482.830.636	-
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn La Tiến, thôn Thị Giang, thôn Hạ Đông, xã Nguyễn Hòa	14.990.000.000	4.490.000.000		4.490.000.000	4.448.954.000		4.448.954.000	-			41.046.000		41.046.000	

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GT nội đồng thôn Sỹ Quý, xã Nguyễn Hòa (đoạn từ nhà ông Khôi đến nhà bà Thanh)	1.150.000.000	1.150.000.000	700.000.000	450.000.000	57.248.000		57.248.000	-			1.092.752.000	700.000.000	392.752.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Giang, xã Nguyễn Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Lân đến nhà ông Nhâm; đoạn 2 từ nhà ông Anh đến nhà ông Tuấn; đoạn 3 từ nhà ông Cự đến nhà ông Long; đoạn 4 từ công nhà ông Khắc đến nhà ông Quyết)	8.100.000.000	8.100.000.000	4.100.000.000	4.000.000.000	2.700.000.000	100.000.000	2.600.000.000	100.000.000		100.000.000	5.500.000.000	4.000.000.000	1.500.000.000	
4	Sửa chữa, duy tu đường GTNT thôn Sỹ Quý, xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ ngã tư ông Thọ đến giáp đường Vung Qua)	750.000.000	750.000.000	700.000.000	50.000.000	50.000.000		50.000.000	-			700.000.000	700.000.000	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ công chùa đến nhà ông Mạnh thôn La Tiến)	6.500.000.000	6.500.000.000		6.500.000.000	640.000.000		640.000.000	-			5.860.000.000	-	5.860.000.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ nhà ông Anh đến sông Đoàn Kết thôn Thị Giang)	4.500.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	-			3.000.000.000	-	3.000.000.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ công nhà ông Luyến đến công tên lửa thôn Thị Giang)	5.500.000.000	5.500.000.000		5.500.000.000	500.000.000		500.000.000	-			5.000.000.000	-	5.000.000.000	
8	Xây dựng cầu GTNT qua sông Cừu An xã Nguyễn Hòa	19.696.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	-			-	-	-	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ ĐT.378 dọc Cự đến đường Vung Qua)	20.000.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	-			-	-	-	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn 1: Từ nhà ông Cường đến nghĩa trang xã Nguyễn Hòa, Đoạn 2: Từ đường ĐH.89 đến đường dẫn cầu La Tiến)	16.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	-			-	-	-	
11	Xây dựng cầu GTNT Quán Sang, xã Tam Đa	14.900.000.000	7.952.208.000		7.952.208.000	7.094.208.000		7.094.208.000	-			858.000.000	-	858.000.000	
12	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (Đoạn từ nhà bà Hò đến nhà ông Thứ)	1.200.000.000	743.189.000	700.000.000	43.189.000	36.803.000		36.803.000	-			706.386.000	700.000.000	6.386.000	

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
13	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Biển đến nhà ông Thu)	1.200.000.000	1.178.561.000	700.000.000	478.561.000	36.308.000		36.308.000	-			1.142.253.000	700.000.000	442.253.000	
14	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Chấn đến nhà ông Hiền)	1.200.000.000	1.044.074.000	700.000.000	344.074.000	51.507.000		51.507.000	-			992.567.000	700.000.000	292.567.000	
15	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Tam Đa (Đoạn từ nhà bà Huệ đến nhà ông Dưỡng thôn Ngũ Phúc)	2.800.000.000	2.800.000.000	700.000.000	2.100.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000	-			1.000.000.000	700.000.000	300.000.000	
16	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Tam Đa (đoạn đường ĐH64 đến ruộng nhà ông Hoàn thôn Cự Phú)	3.200.000.000	3.200.000.000	700.000.000	2.500.000.000	700.000.000		700.000.000	-			2.500.000.000	700.000.000	1.800.000.000	
17	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thôn Trà Dương, xã Tổng Trán	34.000.000.000	31.211.802.000		31.211.802.000	3.470.837.000		3.470.837.000	-			27.740.965.000	-	27.740.965.000	
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trán (Đoạn từ Đường đê 378 đến nhà bà Hềnh thôn Vồng Phan)	3.000.000.000	936.926.000		936.926.000	192.672.364		192.672.364	-			744.253.636	-	744.253.636	
19	Cải tạo, nâng cấp đường qua thôn Vồng Phan và An Cầu, xã Tổng Trán	40.000.000.000	40.000.000.000		40.000.000.000	29.647.542.000		29.647.542.000	-			10.352.458.000	-	10.352.458.000	
20	Sửa chữa, duy tu đường GTNT thôn An Cầu, xã Tổng Trán (Đoạn từ nhà ông Xuân đến nhà ông Ngại xóm An Bến)	750.000.000	720.276.000	700.000.000	20.276.000	20.276.000		20.276.000	-			700.000.000	700.000.000	-	
21	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trán (đoạn từ đường đồng Quan đến đường Quang Vinh - Vồng Phan)	800.000.000	800.000.000	700.000.000	100.000.000	7.385.000		7.385.000	-			792.615.000	700.000.000	92.615.000	
22	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trán (đoạn từ đồng Đình đến đồng Lang)	800.000.000	800.000.000	700.000.000	100.000.000	58.000.000		58.000.000	-			742.000.000	700.000.000	42.000.000	
23	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trán (đoạn từ đồng Sau đến Ngòi Cà)	800.000.000	800.000.000	700.000.000	100.000.000	18.465.000		18.465.000	-			781.535.000	700.000.000	81.535.000	

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
24	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Tổng Trần đoạn từ Cầu Đồng Bái đến Vườn Nhồi	750.000.000	750.000.000	700.000.000	50.000.000	50.000.000		50.000.000	-			700.000.000	700.000.000	-	
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vông Phan xã Tổng Trần (đoạn từ nhà ông Đoàn Thái đến nhà ông Chung, đoạn 2 từ nhà ông Bình đến nhà bà Hềnh)	2.600.000.000	2.600.000.000		2.600.000.000	600.000.000		600.000.000	-			2.000.000.000	-	2.000.000.000	
26	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Trà Dương xã Tổng Trần (đoạn từ nhà ông Đạt đến cửa ông Luyến, tuyến nhánh vào cổng chùa Trà Dương)	7.650.000.000	6.754.440.000		6.754.440.000	3.538.440.000		3.538.440.000	-			3.216.000.000	-	3.216.000.000	
27	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trần (đoạn từ đường 378 dốc ông Khởi đến cửa bà Xoa thôn Trà Dương)	6.332.563.000	6.109.146.000		6.109.146.000	889.146.000		889.146.000	-			5.220.000.000	-	5.220.000.000	
28	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trần (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Công, xóm 2 thôn Vông Phan)	11.000.000.000	10.566.921.000	8.000.000.000	2.566.921.000	3.066.921.000	2.000.000.000	1.066.921.000	-			7.500.000.000	6.000.000.000	1.500.000.000	
IV	LĨNH VỰC AN NINH	28.600.000.000	7.598.306.000	-	7.598.306.000	6.667.330.000	-	6.667.330.000	-	-	-	930.976.000	-	930.976.000	-
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ	14.300.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	734.512.000		734.512.000	-			465.488.000		465.488.000	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tam Đa, huyện Phù Cừ	14.300.000.000	6.398.306.000		6.398.306.000	5.932.818.000		5.932.818.000	-			465.488.000		465.488.000	
V	LĨNH VỰC THỊ CHÍNH	136.453.947.500	58.473.749.811	5.394.754.500	53.078.995.311	1.712.388.172	194.754.500	1.517.633.672	90.156.416	-	90.156.416	56.851.518.055	5.200.000.000	51.651.518.055	-
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tam Đa, huyện Phù Cừ	55.928.627.000	47.738.643.339		47.738.643.339	-			88.583.416		88.583.416	47.827.226.755	-	47.827.226.755	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tổng Trần	21.296.070.000	1.371.173.563		1.371.173.563	1.371.173.563		1.371.173.563	-			-	-	-	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tổng Trần - Hàng mục Điện sinh hoạt, điện chiếu sáng	1.124.373.000	4.400.000		4.400.000	4.400.000		4.400.000	-			-	-	-	
4	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng nông thôn mới tại xã Tổng Trần, huyện Phù Cừ	49.193.264.000	3.822.718.300		3.822.718.300	-			1.573.000		1.573.000	3.824.291.300	-	3.824.291.300	
5	Xây dựng chợ La Tiến, xã Nguyễn Hòa	5.394.754.500	5.394.754.500	5.394.754.500		194.754.500	194.754.500		-			5.200.000.000	5.200.000.000	-	

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6	Cải tạo, nâng cấp Chợ Vòng Phan, xã Tổng Trấn	3.516.859.000	142.060.109		142.060.109	142.060.109		142.060.109	-		-	-		-	
VI	LĨNH VỰC KHÁC	8.900.000.000	8.900.000.000	1.500.000.000	7.400.000.000	4.215.805.000	1.500.000.000	2.715.805.000	-	-	-	4.684.195.000	-	4.684.195.000	
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã Tổng Trấn và các hạng mục phụ trợ	6.400.000.000	6.400.000.000		6.400.000.000	2.065.805.000		2.065.805.000	-		-	4.334.195.000		4.334.195.000	
2	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân đồng bộ thôn An Cầu, xã Tổng Trấn	700.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	-		-	-		-	
3	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân đồng bộ thôn Vòng Phan, xã Tổng Trấn	700.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	-		-	-		-	
4	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân đồng bộ thôn Trà Dương, xã Tổng Trấn	700.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	700.000.000	500.000.000	200.000.000	-		-	-		-	
5	Bổ sung nguồn vốn ủy thác tại địa phương cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện	400.000.000	400.000.000		400.000.000	50.000.000		50.000.000	-		-	350.000.000		350.000.000	
B	BỔ SUNG DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀ KẾ HOẠCH VỐN	33.940.628.000	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
I	LĨNH VỰC VĂN HOÁ	16.200.000.000	-	-	-	-	-	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Trà Dương, xã Tổng Trấn và các hạng mục phụ trợ	1.000.000.000	-			-			500.000.000		500.000.000	500.000.000		500.000.000	
2	Cải tạo, sửa chữa khu sinh hoạt cộng đồng thôn Vòng Phan, xã Tổng Trấn	2.500.000.000	-			-			700.000.000		700.000.000	700.000.000		700.000.000	
3	Cải tạo, sửa chữa khu sinh hoạt cộng đồng thôn SỸ Quý, xã Tổng Trấn	2.500.000.000	-			-			700.000.000		700.000.000	700.000.000		700.000.000	
4	Cải tạo, nâng cấp sân vận động và các công trình phụ trợ xã Tổng Trấn (Thôn An Cầu)	2.500.000.000	-			-			700.000.000		700.000.000	700.000.000		700.000.000	
5	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa cộng đồng thôn Cự Phú, xã Tổng Trấn	2.200.000.000	-			-			700.000.000		700.000.000	700.000.000		700.000.000	
6	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Đa cũ (Nay là thôn Tam Đa xã Tổng Trấn)	5.500.000.000							1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	11.442.557.000	-	-	-	-	-	-	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-

STT	Tên công trình	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã phân bổ			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh giảm)			Điều chỉnh KH vốn năm 2025 (điều chỉnh tăng và điều chỉnh tính chất nguồn vốn)			KH vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng	NS tính	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn La Tiến, xã Tổng Trấn (Đoạn 1: Đoạn đường nối cầu La Tiến đến ruộng nhà ông Sỹ; Đoạn 2: Đoạn đường nối cầu La Tiến đến giáp ngôi Trà Dương)	9.442.557.000	-			-			6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường sau nhà làm việc Trung tâm hành chính công thôn Thị Giang, xã Tổng Trấn	2.000.000.000	-			-			1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	
III	LĨNH VỰC KHÁC	4.498.071.000	-	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Tổng Trấn (Trụ sở 1)	4.498.071.000	-			-			3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
IV	LĨNH VỰC MỚI TRƯỞNG	1.800.000.000	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thôn Tam Đa, xã Tổng Trấn	1.800.000.000	-			-			1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	

PHỤ BIỂU SỐ 04: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND xã Tổng Trân)

ĐVT: đồng

ĐVT: đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư		Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025			Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		2.016.093.623.615	347.675.252.554	1.812.648.808.615	554.657.023.355	285.893.341.833	268.763.681.522	
A	DỰ ÁN UBND TỈNH CHUYỂN VỀ		1.058.138.422.000	317.611.444.000	1.057.528.479.000	250.833.990.000	250.833.990.000	-	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		179.703.546.000	14.625.772.000	179.703.546.000	87.585.000.000	87.585.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		15.344.027.000	6.638.000.000	15.344.027.000	1.585.000.000	1.585.000.000	-	
1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nâng cấp nhà hiệu bộ và tường rào - Trường THCS Tổng Trân	3995/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	7.344.027.000	6.638.000.000	7.344.027.000	585.000.000	585.000.000		
2	Xây dựng mới 6 phòng học bộ môn và 2 phòng học Trường tiểu học và THCS Tam Đa	4055/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.000.000.000		8.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		92.070.213.000	7.987.772.000	92.070.213.000	56.000.000.000	56.000.000.000	0	
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Tam Đa	4107/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	55.565.777.000	7.000.000.000	55.565.777.000	23.000.000.000	23.000.000.000		
2	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ - trường mầm non Tổng Trân	1617/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	23.004.436.000	987.772.000	23.004.436.000	20.000.000.000	20.000.000.000		
3	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Nam Phù Cừ	3401/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	13.500.000.000		13.500.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000		
c	Dự án khởi công mới năm 2025		72.289.306.000	-	72.289.306.000	30.000.000.000	30.000.000.000	0	-
1	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Nguyên Hòa	4106/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	72.289.306.000		72.289.306.000	30.000.000.000	30.000.000.000		
II	LĨNH VỰC Y TẾ		4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000	-	

a	Dự án hoàn thành		4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000	-	
1	Mở rộng trạm Y tế xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù	4046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4.498.495.000	3.953.973.000	4.498.495.000	111.096.000	111.096.000		
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA		100.477.346.000	29.599.705.000	100.477.346.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		14.507.925.000	10.000.000.000	14.507.925.000	-	-	-	
1	Xây dựng mới Nhà văn hóa và các công trình phụ trợ UBND xã Nguyên Hòa		14.507.925.000	10.000.000.000	14.507.925.000				
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		85.969.421.000	19.599.705.000	85.969.421.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	181/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh	85.969.421.000	19.599.705.000	85.969.421.000	20.000.000.000	20.000.000.000		
IV	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		256.663.121.000	131.457.842.000	256.163.121.000	119.482.000.000	119.482.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		89.729.335.000	63.236.745.000	89.229.335.000	25.104.000.000	25.104.000.000	-	
1	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH.80 đến giao cắt với đường ĐH.85 (qua địa phận đền Tổng Trăn)	361S/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.989.391.000	14.405.745.000	14.989.391.000	579.000.000	579.000.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy, La Tiến đoạn từ ĐH.64 (cầu Chéo) đến ĐT.387 (Trạm bơm La Tiến), huyện Phù Cù	986/QĐ-UBND ngày 19/5/2020	38.086.944.000	21.363.000.000	37.586.944.000	15.723.000.000	15.723.000.000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.89 đoạn từ cầu Kênh Tiêu đến cầu Chéo	3740/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.960.000.000	7.230.000.000	14.960.000.000	7.730.000.000	7.730.000.000		
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trăn	3994/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	21.693.000.000	20.238.000.000	21.693.000.000	1.072.000.000	1.072.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		120.935.786.000	68.221.097.000	120.935.786.000	51.378.000.000	51.378.000.000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vụng Quạ đến đình làng Hạ Đồng xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù	3961/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	95.000.000.000	60.724.487.000	95.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000		
2	Đường GTNT Nguyên Hoà (Tuyến 1 từ công ông Linh (thôn La Tiến) đến trạm bơm Thị Giang, tuyến 2 Đoạn từ cầu bà Chén đến giao với đường dẫn lên cầu La Tiến)	3884/QĐ-UBND ngày 30/1 1/2022	25.935.786.000	7.496.610.000	25.935.786.000	18.378.000.000	18.378.000.000		
c	Dự án khởi công mới năm 2025		45.998.000.000	-	45.998.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000	-	
1	Xây dựng đường từ ĐT.386 (khu dân cư mới xã Tam Đa) đến giao với ĐH.64 (trường THCS xã Tam Đa)	3830/QĐ-UBND ngày 29/1 1/2022	45.998.000.000		45.998.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000		

V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		3.225.894.000	-	3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
a	Dự án hoàn thành								
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025		3.225.894.000	-	3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
	Quy hoạch chung đô thị mới Tổng Trân, huyện Phù Cù đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000		3.225.894.000		3.225.894.000	3.225.894.000	3.225.894.000		
VI	LĨNH VỰC KHÁC		513.570.020.000	137.974.152.000	513.460.077.000	20.430.000.000	20.430.000.000	-	
a	Dự án hoàn thành		163.570.020.000	137.974.152.000	163.460.077.000	20.430.000.000	20.430.000.000	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Nguyên Hòa	1239/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	55.070.020.000	48.904.643.000	54.960.077.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
2	Xây dựng khu tái định cư và Chợ La Tiến để mở rộng Khu di tích lịch sử Cây Đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	982/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	108.500.000.000	89.069.509.000	108.500.000.000	19.430.000.000	19.430.000.000		
b	Dự án chuyển tiếp sang năm 2025								
c	Dự án khởi công mới năm 2025								
d	Dự án chưa quyết định đầu tư		350.000.000.000		350.000.000.000				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên - Giai đoạn 2	194/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	107.365.000.000		107.365.000.000				
2	Xây dựng tượng đài và các công trình phát huy giá trị khu di tích lịch sử Cây Đa và Đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù	193/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	62.635.000.000		62.635.000.000				
3	Xây dựng khu tái định cư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến (giai đoạn 2) và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	130/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	180.000.000.000		180.000.000.000				
B	DỰ ÁN UBND XÃ QUẢN LÝ		957.955.201.615	30.063.808.554	755.120.329.615	303.823.033.355	35.059.351.833	268.763.681.522	-
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		161.709.519.000	2.267.397.396	155.697.369.000	14.601.169.348	0	14.601.169.348	
1	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nguyên Hòa	96/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.950.000.000	1.279.625.000	14.950.000.000	9.184.083.000		9.184.083.000	
2	Trường THCS Nguyên Hòa	20/QĐ-UBND ngày 04/01/2018	7.900.000.000		1.887.796.000	567.061.000		567.061.000	

3	Trường mầm non tập trung xã Nguyên Hòa	4106/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	72.289.306.000		72.289.360.000	2.329.000.000		2.329.000.000	
4	Xây dựng trường Mầm non tập trung xã Tam Đa	4107/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	55.565.777.000		55.565.777.000	1.500.000.000		1.500.000.000	
5	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng và cá hạng mục phụ trợ- trường Mầm non Tổng Trân	1617/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	3.004.436.000	987.772.396	3.004.436.000	21.025.348		21.025.348	
6	Xây dựng mới lớp học trường Tiểu học xã Tổng Trân	1071/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	8.000.000.000		8.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA		40.762.720.000	541.960.000	29.578.835.000	12.864.919.926	0	12.864.919.926	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thị Giang- xã Nguyên Hòa	98a/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	3.339.372.000	541.960.000	3.164.434.000	2.622.474.000		2.622.474.000	
2	Xây mới nhà văn hóa và các công trình phụ trợ UBND xã Nguyên Hòa	4045/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	14.950.000.000		4.950.000.000	4.058.969.545		4.058.969.545	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Doãn Mậu Đàm	3077/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	977.056.000		977.056.000	287.024.000		287.024.000	
4	Nhà văn hóa thôn An Cầu, xã Tổng Trân	99/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	2.296.292.000		1.287.345.000	896.452.381		896.452.381	
5	Cải tạo nâng cấp hạng mục công trình phụ trợ NVH thôn Vống Phan		3.000.000.000		3.000.000.000	500.000.000		500.000.000	
6	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Trà Dương, xã Tổng Trân và các hạng mục phụ trợ		1.000.000.000		1.000.000.000	500.000.000		500.000.000	
7	Cải tạo, sửa chữa khu sinh hoạt cộng đồng thôn Vống Phan, xã Tổng Trân		2.500.000.000		2.500.000.000	700.000.000		700.000.000	
8	Cải tạo, sửa chữa khu sinh hoạt cộng đồng thôn Sỹ Quý, xã Tổng Trân		2.500.000.000		2.500.000.000	700.000.000		700.000.000	
9	Cải tạo, nâng cấp sân vận động và các công trình phụ trợ xã Tổng Trân (Thôn An Cầu)	1112/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	2.500.000.000		2.500.000.000	700.000.000		700.000.000	
10	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa cộng đồng thôn Cự Phú, xã Tổng Trân	1113/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	2.200.000.000		2.200.000.000	700.000.000		700.000.000	
11	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Đa cũ (Nay là thôn Tam Đa xã Tổng Trân)		5.500.000.000		5.500.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
III	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		350.660.252.615	10.938.172.000	351.456.560.615	163.484.309.626	29.859.351.833	133.624.957.793	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Sỹ Quý, xã Nguyên Hòa	97/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.900.000.000	143.169.000	14.900.000.000	7.108.305.000		7.108.305.000	

2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn La Tiến, xã Nguyên Hòa	134a/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	12.074.716.000	3.416.041.000	12.074.716.000	8.157.299.000		8.157.299.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường sản xuất đoạn từ nhà bà Hảo đến gốc Gáo thôn Thị Giang, xã Nguyên Hòa	256a/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.000.000.000	1.257.457.000	2.000.000.000	663.547.800		663.547.800	
4	Xây dựng đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn quanh hồ La Tiến)	186/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	14.900.000.000	548.463.000	14.900.000.000	6.198.880.980		6.198.880.980	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ ĐT.386 đến nhà ông Thi xóm Tiền Phong)	1415/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	7.000.000.000		7.000.000.000	129.283.000		129.283.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng xã Nguyên Hòa (đoạn từ nhà bà Mây giáp đường Cửu An đến đường gốc Gáo)	2240/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	1.420.000.000	700.000.000	1.420.000.000	561.956.200		561.956.200	
7	Xây dựng đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn quanh hồ Thị Giang)	159/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	19.500.000.000		19.500.000.000	1.129.862.000		1.129.862.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn từ nhà ông Gắng thôn Sỹ Quý xuống ngòi Thanh Lan)	1480/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	3.600.000.000		3.600.000.000	2.176.221.700	1.500.000.000	676.221.700	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn La Tiến, thôn Thị Giang, thôn Hạ Đồng, xã Nguyên Hòa	141/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	14.990.000.000	451.444.000	14.990.000.000	41.046.000		41.046.000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hoà (đoạn 1 từ nhà ông Mạn đến nhà ông Chuyển, đoạn 2 từ nhà ông Thọ đến nhà ông Doanh thôn La Tiến)	160/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	2.800.000.000		2.800.000.000	1.837.781.746	1.000.000.000	837.781.746	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Linh đến nhà ông Thuần, đoạn 2 từ nhà ông Vương đến nhà ông Thái thôn Sỹ Quý)	161/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	8.000.000.000		8.000.000.000	6.683.756.308	3.000.000.000	3.683.756.308	
12	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GT nội đồng thôn Sỹ Quý, xã Nguyên Hòa (đoạn từ nhà ông Khởi đến nhà bà Thanh)	1271/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.150.000.000		1.150.000.000	1.092.752.000	700.000.000	392.752.000	
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Giang, xã Nguyên Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Lên đến nhà ông Nhâm; đoạn 2 từ nhà ông Ánh đến nhà ông Tuấn; đoạn 3 từ nhà ông Cự đến nhà ông Long; đoạn 4 từ cổng nhà ông Khắc đến nhà ông Quyết)	202/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	8.100.000.000		8.100.000.000	5.500.000.000	4.000.000.000	1.500.000.000	
14	Sửa chữa, duy tu đường GTNT thôn Sỹ Quý, xã Nguyên Hòa (Đoạn từ ngã tư ông Thọ đến giáp đường Vụng Quạ)	677/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	750.000.000		750.000.000	700.000.000	700.000.000		
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ nhà ông Hồng đến nhà ông Giá thôn Sỹ Quý)	124/QĐ-UBND ngày 8/4/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
16	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Nguyên Hòa (đoạn từ trạm bơm 1 nhà máy nước đến nhà ông Tề thôn Thị Giang)	123/QĐ-UBND ngày 8/4/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	

17	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xã Nguyên Hòa thôn Sỹ Quý (Đoạn từ nhà bà Thụy đến nhà ông Trác)	220/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
18	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT xã Nguyên Hòa thôn Thị Giang (Đoạn từ nhà ông Thiết đến nhà bà Tự)	214/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ cổng chùa đến nhà ông Mạnh thôn La Tiến)		6.500.000.000		6.500.000.000	5.860.000.000		5.860.000.000	
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ nhà ông Ánh đến sông Đoàn Kết thôn Thị Giang)	1008/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	3.703.692.000		4.500.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (Đoạn từ cổng nhà ông Luyến đến cổng tên lửa thôn Thị Giang)		5.500.000.000		5.500.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	
22	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa đoạn từ cầu Đâu đi khu chuyên đổi	156/QĐ-UBND ngày 20/08/2022	2.507.196.000		2.507.196.000	759.351.833	759.351.833		
23	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn Tam Đa, thôn Cự Phú, thôn Ngũ Phúc xã Tam Đa	150/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	14.990.000.000		14.990.000.000	11.045.072.600		11.045.072.600	
24	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Cự Phú, xã Tam Đa (đoạn từ đường ĐH.64 đến ông Đạo đồng sau kho)	3864/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	1.400.000.000	700.000.000	1.400.000.000	375.226.000		375.226.000	
25	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Yên đến đường đi bãi rác đồng bông)	3862/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2.100.000.000	700.000.000	2.100.000.000	518.314.000		518.314.000	
26	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn ông Học đến ông Lành cạnh nghĩa trang đồng ngọn)	3863/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	1.700.000.000	700.000.000	1.700.000.000	89.031.000		89.031.000	
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ ông Giỏi đến ông Thú đồng quán sang xóm 2)	3861/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	1.800.000.000	700.000.000	1.800.000.000	229.885.000		229.885.000	
28	Xây dựng cầu GTNT Quán Sang, xã Tam Đa	196/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	14.900.000.000		14.900.000.000	858.000.000		858.000.000	
29	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Tam Đa (Đoạn từ nhà bà Hiền đến nhà ông Khang xóm 7 thôn Tam Đa)	986/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	817.648.000	700.000.000	117.648.000	
30	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (Đoạn từ nhà bà Hồ đến nhà ông Thứ)	1601/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	706.386.000	700.000.000	6.386.000	
31	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Biển đến nhà ông Thu)	1599/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	1.142.253.000	700.000.000	442.253.000	
32	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Tam Đa, xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Chấn đến nhà ông Hiền)	1600/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.200.000.000		1.200.000.000	992.567.000	700.000.000	292.567.000	

33	Duy tu, sửa chữa đường nội đồng xã Tam Đa (Đoạn từ nhà bà Huê đến nhà ông Dưỡng thôn Ngũ Phúc)	1598/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	2.800.000.000		2.800.000.000	1.000.000.000	700.000.000	300.000.000	
34	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Tam Đa (đoạn đường ĐH64 đến ruộng nhà ông Huân thôn Cự Phú)	1605/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	3.200.000.000		3.200.000.000	2.500.000.000	700.000.000	1.800.000.000	
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Hùng)	20/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	4.100.000.000		4.100.000.000	3.902.337.548	2.000.000.000	1.902.337.548	
36	Gói 4 (Cải tạo, nâng cấp 09 tuyến đường xã Tống Trân)		2.485.992.000		2.485.992.000	2.475.992.000		2.475.992.000	
37	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vĩng Phan, xã Tống Trân (Đoạn tuyến đường bô từ nhà ông Tuyển đến đường bê tông Hiện Trạng)	181a/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	1.014.008.000		1.014.008.000	108.533.000		108.533.000	
38	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thôn An Cầu xã Tống Trân, huyện Phù Cừ (đoạn từ cánh đồng Tân Bồi đến cánh đồng Âm Xa)	229/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	1.200.000.000	980.504.000	1.200.000.000	58.699.963		58.699.963	
39	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tống Trân (đoạn từ nhà ông Đại đến vườn Bông)	3510/QĐ-UBND ngày 23/9/2023	800.000.000	641.094.000	800.000.000	158.906.000		158.906.000	
40	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thôn Trà Dương, xã Tống Trân	190/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	34.000.000.000		34.000.000.000	27.740.965.000		27.740.965.000	
41	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT đoạn từ nhà ông Đạt đến cánh đồng Nam Dong thuộc thôn Trà Dương, xã Tống Trân	2904/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	3.072.967.615		3.072.967.615	2.733.727.312	2.500.000.000	233.727.312	
42	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sản xuất nội đồng đoạn từ cửa Ông Tinh đến đường nhánh Tân Phúc - Vĩng Phan xã Tống Trân	3686/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	900.000.000		900.000.000	172.587.000		172.587.000	
43	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sản xuất nội đồng đoạn từ Đường 378 đến Đường Nhánh Tân Phúc - Vĩng Phan xã Tống Trân	3685/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	900.000.000		900.000.000	174.894.000		174.894.000	
44	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (Đoạn từ Đường đê 378 đến nhà bà Hềnh thôn Vĩng Phan)	245/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	3.000.000.000		3.000.000.000	744.253.636		744.253.636	
45	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (Đoạn từ dốc nhà văn hóa Vĩng Phan đến nhà ông Thuận, thôn An Cầu)	227/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	34.376.561.000		34.376.561.000	4.034.380.000		4.034.380.000	
46	Cải tạo, nâng cấp đường qua thôn Vĩng Phan và An Cầu, xã Tống Trân	137/QĐ- UBND ngày 09/4/2025	40.000.000.000		40.000.000.000	10.352.458.000		10.352.458.000	
47	Sửa chữa, duy tu đường GTNT thôn An Cầu, xã Tống Trân (Đoạn từ nhà ông Xuân đến nhà ông Ngải xóm An Bến)	676/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	750.000.000		750.000.000	700.000.000	700.000.000		

48	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trân (đoạn từ đường đồng Quan đến đường Quang Vinh - Vống Phan)	1590/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	800.000.000		800.000.000	792.615.000	700.000.000	92.615.000	
49	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trân (đoạn từ đồng Đình đến đồng Lang)	1591/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	800.000.000		800.000.000	742.000.000	700.000.000	42.000.000	
50	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội đồng thôn An Cầu, xã Tổng Trân (đoạn từ đồng Sau đến Ngòi Cà)	1589/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	800.000.000		800.000.000	781.535.000	700.000.000	81.535.000	
51	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Tổng Trân đoạn từ Cầu Đồng Bái đến Vườn Nhôi	2726/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	750.000.000		750.000.000	700.000.000	700.000.000		
52	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vống Phan xã Tổng Trân (đoạn 1 từ nhà ông Đoàn Thái đến nhà ông Chung, đoạn 2 từ nhà ông Bình đến nhà bà Hềnh)	281/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	2.600.000.000		2.600.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	
53	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Trà Dương xã Tổng Trân (đoạn từ nhà ông Đạt đến cửa ông Luyến, tuyến nhánh vào cổng chùa Trà Dương)	260/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	7.650.000.000		7.650.000.000	3.216.000.000		3.216.000.000	
54	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân (đoạn từ đường 378 dốc ông Khởi đến cửa bà Xoa thôn Trà Dương)	261/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	6.332.563.000		6.332.563.000	5.220.000.000		5.220.000.000	
55	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tổng Trân (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Công, xóm 2 thôn Vống Phan)	1450/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	11.000.000.000		11.000.000.000	7.500.000.000	6.000.000.000	1.500.000.000	
56	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn La Tiến, xã Tổng Trân (Đoạn 1: Đoạn đường nối cầu La Tiến đến ruộng nhà ông Sỹ; Đoạn 2: Đoạn đường nối cầu La Tiến đến giáp ngòi Trà Dương)		9.442.557.000		9.442.557.000	6.000.000.000		6.000.000.000	
57	Cải tạo, nâng cấp đường sau nhà làm việc Trung tâm hành chính công thôn Thị Giang, xã Tổng Trân	1111/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	2.000.000.000		2.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	
IV	LĨNH VỰC AN NINH		222.662.319.500	530.180.000	41.100.000.000	10.424.573.400	0	10.424.573.400	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ	375/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	195.862.319.500	265.090.000	14.300.000.000	465.488.000		465.488.000	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tam Đa, huyện Phù Cừ	207/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	14.300.000.000	265.090.000	14.300.000.000	465.488.000		465.488.000	
3	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ	113/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	12.500.000.000		12.500.000.000	9.493.597.400		9.493.597.400	

V	LĨNH VỰC THỊ CHÍNH		169.062.319.500	15.786.099.158	164.187.565.000	93.763.866.055	5.200.000.000	88.563.866.055	
1	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng nông thôn mới tại xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cù	244/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	58.545.674.000	15.786.099.158	58.545.674.000	36.912.348.000		36.912.348.000	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tam Đa, huyện Phù Cù	263/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	55.928.627.000		55.928.627.000	47.827.226.755		47.827.226.755	
3	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng nông thôn mới tại xã Tổng Trân, huyện Phù Cù	304/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	49.193.264.000		49.193.264.000	3.824.291.300		3.824.291.300	
4	Xây dựng chợ La Tiến, xã Nguyên Hòa	2075/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	5.394.754.500		520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000		
VI	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		1.800.000.000	0	1.800.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thôn Tam Đa, xã Tổng Trân		1.800.000.000		1.800.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	
VII	LĨNH VỰC KHÁC		11.298.071.000	0	11.300.000.000	7.684.195.000	0	7.684.195.000	0
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã Tổng Trân và các hạng mục phụ trợ	343/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	6.400.000.000		6.400.000.000	4.334.195.000		4.334.195.000	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Tổng Trân (Trụ sở 1)		4.498.071.000		4.500.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	
3	Bổ sung nguồn vốn ủy thác tại địa phương cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện		400.000.000		400.000.000	350.000.000		350.000.000	